

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

V/v kiện ly hôn và yêu cầu nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Th[□] ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 277/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “*Kiện ly hôn và yêu cầu nuôi con*” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ – sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Lý Kim N – sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 11/12/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày nh- sau: Anh và chị Lý Kim N kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và cũng không có đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và anh chị cũng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung . Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh Đ yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có hai người chung tên Trần Thị N1 - sinh ngày 28/05/2002 và Trần Văn N2 – sinh ngày 18/4/2003. Anh Đ yêu cầu nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lý Kim N thống nhất toàn bộ nội dung trình bày theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn Đ về ngày tháng năm sống chung, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và về mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: Có hai người chung tên Trần Thị N1 - sinh ngày 28/05/2002 và Trần Văn N2 – sinh ngày 18/4/2003. Chị N đồng ý giao cả 02 con cho anh Đ nuôi dưỡng và chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Kim N là bị đơn trong vụ án nhưng chị N đã có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt chị N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Đ và chị Lý Kim N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2000, anh chị không có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và cũng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là đã vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, anh Đ cho rằng do cá tính hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, nay anh Đ xét thấy cuộc sống chung như vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã khởi kiện ra tòa yêu cầu ly hôn với chị N, tại bản tự khai ngày 12/12/2018 chị N cũng đồng ý ly hôn với anh Đ, do hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp cho nên HĐXX không xem xét yêu cầu ly hôn của anh chị mà căn cứ vào Điều 53, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Trần Văn Đ và chị Lý Kim N là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn Đ và chị Lý Kim N đều khai có hai người con chung tên Trần Thị N1 - sinh ngày 28/05/2002 và Trần Văn N2 – sinh ngày 18/4/2003, hiện con đang sống chung với anh Đ. Nay anh Đ và chị N thỏa thuận sẽ giao cả 02 con là Trần Thị N1 và Trần Văn N2 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, xét sự thỏa thuận này của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu N1 và cháu N2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ là không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh Trần Văn Đ và chị Lý Kim N xác định anh chị tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Trần Văn Đ và chị Lý Kim N xác nhận anh chị không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bằng 300.000 đồng anh Trần Văn Đ phải nộp do anh có yêu cầu được ly hôn.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Trần Văn Đ và chị Lý Kim N là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Trần Văn Đ và chị Lý Kim N là giao cả 02 con chung tên Trần Thị N1 - sinh ngày 28/05/2002 và Trần Văn N2 – sinh ngày 18/4/2003 cho anh Đ được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ là không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Miễn xét.

4. Về nợ chung: Miễn xét.

5. Về án phí HNST: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Trần Văn Đ phải nộp nh- ng đ- ọc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp trước đây là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008767 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho anh Trần Văn Đ được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 17/4/2019.

Báo cho chị Lý Kim N biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

-Tòa án tỉnh Kiên Giang;

-VKS huyện Gò Quao;

-Chi cục THADS huyện Gò Quao;

-Các đ- ơng sự;

-L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Văn Tôn